

Số: /HD-SNN

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi cá Tầm thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán Quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Cá Tầm được xác định là loài động vật hoang dã, nguy cấp thuộc Phụ lục I, II nhóm VII lớp cá Phần A Động vật có dây sống của Công ước về buôn bán Quốc tế các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) ký tại WASHINGTON D.C ngày 01 tháng 3 năm 1973. Theo điều 17, 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì các cơ sở nuôi cá Tầm cần phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi trồng các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục Công ước CITES.

Để hoạt động quản lý nuôi cá Tầm thuộc Phụ lục Công ước CITES được chặt chẽ và hiệu quả. Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thực hiện đăng ký, cấp mã số cơ sở nuôi trồng các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục Công ước CITES đến các cơ sở nuôi cá Tầm với các nội dung như sau:

I. ĐIỀU KIỆN NUÔI CÁ TẦM

1. Đối với cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại

- Có phương án nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục 02.
- Cơ sở nuôi phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi; đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng hợp pháp khác.

- Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục 03; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh.

2. Đối với cơ sở nuôi vì mục đích thương mại

- Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;

- Hệ thống ao, bể, lồng nuôi được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;

- Có phương án nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục 02.

- Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục 03; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về môi trường cấp tỉnh.

II. ĐĂNG KÝ MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI CÁ TẦM

1. Đăng ký mã số cơ sở nuôi cá tầm thuộc Phụ lục I CITES

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục I CITES.

- Đại diện hợp pháp của chủ cơ sở gửi trực tiếp; qua bưu điện hoặc qua cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam;

- Hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng gồm:

+ Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục số 01

+ Bản chính phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục số 02

2. Đăng ký mã số cơ sở nuôi cá tầm thuộc Phụ lục II CITES

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y Lai Châu có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục II CITES.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày Tết, ngày nghỉ theo quy định): Buổi sáng từ 07h30' đến 11h30' - Buổi chiều từ 13h30' đến 17h00'.

- Hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng gồm:

+ Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu tại Phụ lục số 01.

+ Bản chính phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục số 02.

(Có các phụ lục 01,02,03 kèm theo)

- Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang nuôi cá Tầm trên địa bàn thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi đáp ứng các điều kiện nuôi các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi cá Tầm thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai tuyên truyền, hướng dẫn đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nuôi cá Tầm trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố;
- TT Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, CNTY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tổng Văn Dương

Phụ lục 01**ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI CÁ TÀM
THUỘC PHỤ LỤC CITES**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI CÁ TÀM THUỘC PHỤ LỤC CITES

Kính gửi:

1. Tên và địa chỉ:

Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax (nếu có):

2. Địa chỉ cơ sở nuôi, trồng:

3. Nội dung đề nghị cấp đăng ký: Cấp mới ; Cấp bổ sung

4. Mục đích nuôi, trồng:

Phi thương mại ; Thương mại trong nước ; Xuất khẩu thương mại

5. Các loài nuôi, trồng:

STT	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học			
1					
2					
3					
...					

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

-

Địa điểm ... , ngày tháng ... năm ...

Ký tên

*(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và
đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)*

Dự kiến ⁴										
----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b) Đối với loài đẻ con (loài đẻ trứng không phải điền thông tin vào mục này)

Năm	Bố mẹ		Giai đoạn con non chưa trưởng thành				Con non đã trưởng thành	
	Đực	Cái	Số con non trung bình được sinh sản/01 cá thể mẹ	Tỷ lệ cá thể mẹ sinh sản (%)	Tỷ lệ con non bị chết (%)	Tổng con non hiện có	Tỷ lệ chết (%)	Tổng con trưởng thành
Quá khứ ⁵								
Hiện tại ⁶								
Dự kiến ⁷								

9.2. Những biến động bất thường trong sinh sản hàng năm (nếu có), giải thích nguyên nhân những biến động bất thường.

10. Đánh giá nhu cầu dự kiến và nguồn cung cấp con giống bổ sung cho đàn giống sinh sản của cơ sở nhằm tránh sinh sản đồng huyết, cận huyết.

11. Loại sản phẩm chính (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác) (Chỉ áp dụng cho các cơ sở nuôi thương mại).

12. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu mẫu vật (dùng thẻ, chip điện tử, cắt tai, cắt vây) nhằm xác định nguồn giống sinh sản, các thế hệ kế tiếp và các loại sản phẩm xuất khẩu.

13. Mô tả cơ sở hạ tầng của cơ sở nuôi hiện tại và dự kiến trong tương lai:

- Kích thước chuồng nuôi chính và chuồng nuôi cách ly (nếu có): diện tích chuồng nuôi (chiều rộng, chiều dài) và chiều cao của chuồng.

- Mật độ nuôi.

- Các mô tả khác.

14. Mô tả các biện pháp chăm sóc

- Thức ăn.

- Nước uống.

- Mô tả khác.

15. Điều kiện thú y và phòng chống dịch bệnh cho động vật hoang dã (Mô tả các điều kiện về thú y và phòng chống bệnh cho động vật).

16. Vệ sinh môi trường

- Các biện pháp xử lý môi trường (nếu có).

- Nếu cơ sở đã thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc lập kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt thì nêu số văn bản, cơ quan phê duyệt và ngày phê duyệt.

17. Cách thức ghi chép thông tin: thông tin về quần thể động vật hoang dã gây nuôi được ghi chép và lưu trữ như thế nào.

18. Thuyết minh về hoạt động được cơ sở nuôi sử dụng và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài.

19. Mô tả các rủi ro và các biện pháp xử lý rủi ro:

- Các rủi ro đối với môi trường tự nhiên (nếu có) và các biện pháp phòng, chống rủi ro.
- Các rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi khác (nếu có) và các biện pháp phòng chống rủi ro.
- Các rủi ro về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh.
- Các rủi ro khi động vật thoát khỏi chuồng/cơ sở nuôi hoặc bị đánh cắp; mô tả các biện pháp phòng, chống động vật thoát ra ngoài môi trường tự nhiên đối với loài được nuôi tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài.

20. Mô tả các biện pháp đảm bảo động vật nuôi được đối xử nhân đạo ở mọi khâu (nuôi, giết mổ, vận chuyển...)/.

Địa điểm ..., ngày.... tháng... năm ...

Ký tên

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)

II. PHƯƠNG ÁN NUÔI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁ TÂM NUÔI SINH TRƯỞNG⁸

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:

2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:

Số CMND/Hộ chiếu/căn cước công dân/: Ngày cấp: Nơi cấp:

3. Ngày thành lập cơ sở:

4. Loài nuôi (tên khoa học, tên thông thường):

5. Mục đích nuôi: Vì mục đích thương mại Không vì mục đích thương mại

6. Tài liệu chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp theo quy định pháp luật:
.....

7. Hiện trạng tổng đàn gồm:

Cá thể trưởng thành			Cá thể chưa trưởng thành (không bao gồm cá thể bố mẹ và hậu bị)	Tổng đàn	Ghi chú
Đực	Cái	Không xác định			
1	2	3	4	5=1+2+3+4	6

8. Thông tin về năng lực sản xuất (sản lượng) hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới.

9. Loại sản phẩm chính (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác) (Chỉ áp dụng cho các cơ sở nuôi thương mại).

10. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu mẫu vật.

11. Mô tả cơ sở hạ tầng của cơ sở nuôi hiện tại và dự kiến trong tương lai.

Kích thước chuồng nuôi chính và chuồng nuôi cách ly (nếu có): diện tích chuồng nuôi (chiều rộng, chiều dài) và chiều cao của chuồng.

12. Mô tả các biện pháp chăm sóc

- Thức ăn: mô tả thức ăn, lượng thức ăn trung bình cho 1 cá thể/ngày, tần suất cho ăn (số lần ăn/ngày).

- Thức ăn.

- Nước uống.

- Mô tả khác.

13. Điều kiện thú y và phòng chống dịch bệnh cho động vật hoang dã (Mô tả các điều kiện về thú y và phòng chống bệnh cho động vật).

14. Vệ sinh môi trường

- Các biện pháp xử lý môi trường (nếu có).

- Nếu cơ sở đã thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc lập kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt thì nêu số văn bản, cơ quan phê duyệt và ngày phê duyệt.

15. Cách thức ghi chép thông tin: thông tin về quần thể động vật hoang dã gây nuôi được ghi chép và lưu trữ như thế nào.

16. Mô tả thủ tục kiểm tra và giám sát được sử dụng để nhận dạng động vật nuôi hợp pháp (gồm bố mẹ, đàn hậu bị và các con) và phát hiện các cá thể có nguồn gốc bất hợp pháp được đưa vào cơ sở nuôi.

17. Thuyết minh về hoạt động được cơ sở nuôi sử dụng và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài:

- Số lượng cá thể đực, cái thuần chủng, độ tuổi của động vật tái thả lại khu vực phân bố tự nhiên của loài hoặc trao đổi với các cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại.

- Thời điểm tái thả lại môi trường tự nhiên.

- Tần suất tái thả (nếu có).

- Các biện pháp khác.

18. Mô tả các rủi ro và các biện pháp xử lý rủi ro:

- Các rủi ro đối với môi trường tự nhiên (nếu có) và các biện pháp phòng, chống rủi ro.

- Các rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi khác (nếu có) và các biện pháp phòng chống rủi ro.

- Các rủi ro về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Các rủi ro khi động vật thoát khỏi chuồng/cơ sở nuôi hoặc bị đánh cắp; mô tả các biện pháp phòng, chống động vật thoát ra ngoài môi trường tự nhiên đối với loài được nuôi tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài.

19. Mô tả các biện pháp đảm bảo động vật nuôi được đối xử nhân đạo ở mọi khâu (nuôi, giết mổ, vận chuyển...)/.

Địa điểm ..., ngày.... tháng... năm ...

Ký tên

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)

¹ Mỗi loài sẽ có một phương án nuôi riêng.

² Chỉ ghi thông tin nếu động vật đã sinh sản tại cơ sở và cung cấp số liệu từ 1 đến 5 năm kể từ năm đề nghị đăng ký mã số.

³ Là năm đăng ký cơ sở nuôi.

⁴ Dự kiến khả năng sinh sản của động vật từ 1 đến 3 năm kể từ năm đề nghị đăng ký mã số.

⁵ Chỉ ghi thông tin nếu động vật đã sinh sản tại cơ sở và cung cấp số liệu từ 1 đến 5 năm kể từ năm đề nghị đăng ký mã số.

⁶ Là năm đăng ký cơ sở nuôi.

⁷ Dự kiến khả năng sinh sản của động vật từ 1 đến 3 năm kể từ năm đề nghị đăng ký mã số.

⁸ Mỗi loài phải lập một phương án nuôi riêng.

Phụ lục 03**MẪU SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ TẦM THUỘC PHỤ LỤC CITES****SỔ THEO DÕI NUÔI CÁ TẦM THUỘC PHỤ LỤC CITES²****(Áp dụng cho cơ sở nuôi sinh trưởng)**

1. Họ và tên của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi:.....
2. Địa chỉ (gồm địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi và địa điểm nuôi):.....
3. Tên tiếng phổ thông của loài nuôi:
4. Tên khoa học của loài nuôi:.....
5. Hình thức nuôi: Nuôi sinh trưởng
6. Mã số cơ sở nuôi:

Ngày	Tổng số cá thể nuôi				Số lượng con dưới 1 tuổi	Số lượng cá thể trên 1 tuổi			Nhập cơ sở (mua, sinh sản ..vv)			Xuất cơ sở (bán, cho tặng, chết..)			Ghi chú (ví dụ số chép ...)	Xác nhận của Chi cục Chăn nuôi 7 Thú y
	Tổng	Đực	Cái	Không xác định		Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định		
1	2= 3+4+5	3= 7+10-13	4= 8+11-14	5= 6+9+12-15	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Ghi chú:

1. Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
2. Cột 17, cán bộ của Cơ quan cấp mã số ký xác nhận khi kiểm tra các cơ sở nuôi động vật hoang dã.

² Mỗi loài có 01 sổ theo dõi riêng

SỔ THEO DÕI SINH SẢN CỦA CÁ TÀM THUỘC PHỤ LỤC CITES

(Áp dụng cho cơ sở nuôi sinh sản)

1. Họ và tên của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi:.....
2. Địa chỉ (gồm địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi và địa điểm nuôi):.....
3. Tên tiếng phổ thông của loài nuôi:
4. Tên khoa học của loài nuôi:.....
5. Độ tuổi của các cá thể bố mẹ:.....
6. Hình thức nuôi: Nuôi sinh sản Nuôi khác
7. Mã số cơ sở nuôi:

TT	Ngày (lấy trứng khỏi tổ/ ấp trứng/ con non nở, chết ...)	Số cá thể bố mẹ		Số lượng trứng	Số lượng trứng được đưa vào ấp	Số con non nở	Số con con bị chết	Số con non còn sống	Số con con cộng dồn theo thời gian	Số con non tách khỏi khu nuôi nhốt (tách đàn)	Số con non còn lại	Ghi chú	Xác nhận của Chi cục Chăn nuôi & Thú y
		Đực	Cái										
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11	12=10-11	13	14
Tổng													

Ghi chú:

1. Sổ theo dõi sinh sản của động vật hoang dã được lập riêng cho từng loài.
2. Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng hoặc kết thúc mùa sinh sản của động vật.
3. Số cá thể tách khỏi khu nuôi nhốt con non được hiểu là khi chủ nuôi bán con giống hoặc con non được gia nhập đàn với các cá thể trưởng thành.